

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10- TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đinh Khắc Quỳnh

2/ Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trần Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2026/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1985; Căn cước công dân số I; Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã V, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: Đường B, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1984; Căn cước công dân số F; Địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị H trình bày: Bà và ông H1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 06/8/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn được 04 ngày thì giữa bà và các em chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Kiên Giang sống, còn ông H1 vẫn sống ở Tây Ninh. Đến năm 2019 thì vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên sống

ly thân cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn- ông Trần Văn H1: có địa chỉ cư trú tại: Khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh. Tòa án nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H1 nhưng ông H1 không có phản hồi; không đến Tòa án tham gia tố tụng; không gửi tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục; những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H; cho bà Trương Thị H được ly hôn với ông Trần Văn H1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Văn H1 có địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định

tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trương Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trần Văn H1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Trần Văn H1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày ngày 06/8/2018 tại UBND xã T, huyện C (nay là phường T), tỉnh Tây Ninh, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bà H cho rằng sau khi kết hôn giữa bà H và các em chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng bà H ông H1 đã ly thân từ năm 2019 đến nay, hiện không thể hàn gắn lại tình cảm; giữa bà H và ông H1 không còn tình cảm vợ chồng, do đó bà H yêu cầu ly hôn với ông H1 là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10- Tây Ninh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trương Thị H đối với ông Trần Văn H1. Bà H được ly hôn với ông H1.

2. Về con chung: Không có.

3. Tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003763 ngày 02/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND kv;
- THADS kv;
- UBND xã/phường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Dương Thị Kiều Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Kiều Trang

SÔ THAÂM
Thaâm phaùn – Chuû toïa phieân toøa

TM. HOÃI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ

Nguyễn Thị T

